

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 310723/CVGT ngày 31/7/2023 của Công ty TNHH Linh kiện Cơ khí Sun-Tech về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Linh kiện Cơ khí Sun-Tech”;

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 47/TTr-BQL ngày 09/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Linh kiện Cơ khí Sun-Tech (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ: tại lô B1-E, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Linh kiện Cơ khí Sun-Tech” (Công suất: sản xuất vòng đệm nhựa (plastic) với công suất 150 tấn/năm; sản xuất chi tiết kim loại (ống, nắp, đế...) với công suất 3.200 tấn/năm) (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Linh kiện Cơ khí Sun-Tech” (Công suất: sản xuất vòng đệm nhựa (plastic) với công suất 150 tấn/năm; sản xuất chi tiết kim loại (ống, nắp, đế...) với công suất 3.200 tấn/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B1-E, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1086968444 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 05/4/2021, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 07/4/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801251603 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/04/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 17/3/2023.

1.4. Mã số thuế: 3801251603.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm từ plastic (vòng đệm nhựa); sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (chi tiết kim loại: ống, nắp, đế...).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô B1-E, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với tổng diện tích thực hiện dự án 15.360 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng mục công trình của Dự án:

+ Hạng mục công trình chính: nhà xưởng sản xuất (bao gồm khu vực sản xuất, kho nguyên liệu, kho hóa chất, nhà thiết bị, nhà lò hơi, kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường...) có tổng diện tích 7.740 m².

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà để xe, trạm bơm, trạm điện, bể nước ngầm, cầu cân có tổng diện tích 748,18 m².

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, kho chứa chất thải nguy hại, khu vực hệ thống xử lý nước thải, khu vực hệ thống xử lý khí thải có tổng diện tích 177,89 m².

+ Đất sân bãi, giao thông nội bộ 3.615,54 m², cây xanh 3.078,39 m².

- Công suất:

+ Sản xuất vòng đệm nhựa (plastic): 150 tấn/năm.

+ Sản xuất chi tiết kim loại (ống, nắp, đế...): 3.200 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Linh kiện Cơ khí Sun-Tech:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH Linh kiện Cơ khí Sun-Tech có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Chơn Thành, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 16 tháng 8 năm 2023 đến ngày 16 tháng 8 năm 2033).



Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại Khoản 5, Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Linh kiện Cơ khí Sun-Tech;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND thị xã Chơn Thành;
- Công ty CP PTHTKT Becamex Bình Phước;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-22GP₁₄₈).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1.
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 110.../GPMT-UBND
ngày 16.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 (Do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước, không xả thải trực tiếp ra môi trường).

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước tại Văn bản: Hợp đồng thuê lại đất số 04/2023/HĐTLĐ giữa Công ty TNHH Linh kiện Cơ khí Sun-Tech và Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ dự án bao gồm nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà máy và nước thải sản xuất, bao gồm:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 10,5 m³/ngày đêm (bao gồm nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh khoảng 8 m³/ngày đêm, hoạt động nấu ăn phát sinh khoảng 2,5 m³/ngày đêm). Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại, bể tách mỡ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm để xử lý.

+ Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 94,34 m³/ngày đêm (bao gồm nước thải từ quá trình vệ sinh các chi tiết kim loại, vệ sinh nhà xưởng, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải, xả đáy lò hơi) được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm để xử lý.

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1266229, Y = 542562 (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106⁰15', múi chiều 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước thải nhà ăn sau khi qua bể tách mỡ, nước thải sản xuất → Bể gom → Tháp giải nhiệt → Bể điều hòa → Bể tuyển nổi DAF → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

- Công suất thiết kế: 120 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, Polimer, PAC, Chlorine.

- Chế độ vận hành: liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Becamex - Bình Phước.

- Khi có sự cố, tạm dừng công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 120 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Tại đầu vào (tại bể gom nước thải) và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm (hồ ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập

trung của KCN Becamex - Bình Phước (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B).

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
1	pH	-	5,5-9
2	Nhiệt độ	°C	40
3	Độ màu	Pt/Co	150
4	COD	mg/l	150
5	BOD ₅	mg/l	50
6	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Tổng photpho	mg/l	6
8	Tổng Nitơ	mg/l	40
9	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
10	Coliforms	Vi khuẩn/100ml	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đầu nối nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 2.**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *110.../GPMT-UBND* ngày *16...8.../2023* của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: hơi dung môi từ quá trình làm sạch các chi tiết kim loại.
- Nguồn số 02: hơi nhựa từ công đoạn mở khuôn lấy sản phẩm của quá trình sản xuất vòng đệm nhựa.
- Nguồn số 03: bụi từ máy nghiền nhựa.
- Nguồn số 04: hơi nhựa từ máy nghiền nhựa.
- Nguồn số 05: bụi, khí thải từ lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Vị trí xả khí thải**

STT	Dòng khí thải	Vị trí	Tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3 ⁰	
			X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải số 01	Ống thoát hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình làm sạch các chi tiết kim loại; hơi nhựa từ công đoạn mở khuôn lấy sản phẩm của quá trình sản xuất vòng đệm nhựa; hơi nhựa từ máy nghiền nhựa (nguồn số 01, nguồn số 02, nguồn số 04)	1266264	542470
2	Dòng khí thải số 02	Ống thoát hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi (nguồn số 05)	1266196	542406

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Linh kiện Cơ khí Sun-Tech, địa chỉ: tại lô B1-E, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí thải có chiều cao 16 mét.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí thải có chiều cao 10 mét.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $k_p = 0,9$; $k_v = 1$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT, ($k_p = 0,9$, $k_v = 1$)	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ,	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01					Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ
1	Etylen oxyt	mg/Nm ³	-	20	03 tháng/lần	
2	1,3-Butadien	mg/Nm ³	-	2.200		
3	Styren	mg/Nm ³	-	100		
II	Dòng khí thải số 02					Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ
1	Bụi	mg/Nm ³	180	-	03 tháng/lần	
2	SO ₂	mg/Nm ³	450			
3	NO _x	mg/Nm ³	765			
4	CO	mg/Nm ³	900			

- Đối với nguồn phát sinh bụi không có dòng khí thải (nguồn số 03) phải đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy chuẩn của pháp luật hiện hành.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: khí thải phát sinh từ quá trình làm sạch các chi tiết kim loại được thu gom bằng chụp hút qua hệ thống đường ống thu gom và dẫn về hệ

thống xử lý khí thải công suất 30.000 m³/giờ (hệ thống xử lý số 01) để xử lý, sau đó thải ra môi trường thông qua ống thoát khí thải cao 16 mét.

- Nguồn số 02: khí thải phát sinh từ quá trình mở khuôn lấy sản phẩm của quá trình sản xuất vòng đệm nhựa được thu gom bằng chụp hút qua hệ thống đường ống thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 30.000 m³/giờ (hệ thống xử lý số 01) để xử lý, sau đó thải ra môi trường thông qua ống thoát khí thải cao 16 mét.

- Nguồn số 03: bụi phát sinh từ quá trình nghiền nhựa được thu gom và lọc qua thiết bị lọc bụi bằng giấy được gắn kèm theo máy nghiền nhựa (hệ thống xử lý số 02).

- Nguồn số 04: hơi nhựa phát sinh từ quá trình nghiền nhựa được thu gom bằng ống hút qua hệ thống đường ống và dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 30.000 m³/giờ (hệ thống xử lý số 01) để xử lý, sau đó thải ra môi trường thông qua ống thoát khí thải cao 16 mét.

- Nguồn số 05: bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom bằng hệ thống đường ống và dẫn về hệ thống xử lý bụi, khí thải công suất 1.200 m³/giờ (hệ thống xử lý số 03) để xử lý, sau đó thải ra môi trường thông qua ống thoát khí thải cao 10 mét.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý số 01 (nguồn số 01, 02, 04)

- Tóm tắt quy trình xử lý hơi dung môi từ quá trình làm sạch các chi tiết kim loại; hơi nhựa từ công đoạn mở khuôn lấy sản phẩm của quá trình sản xuất vòng đệm nhựa; hơi nhựa từ máy nghiền nhựa:

+ Hơi dung môi từ quá trình làm sạch chi tiết kim loại (1).

+ Hơi nhựa từ công đoạn mở khuôn lấy sản phẩm (2).

+ Hơi nhựa từ máy nghiền nhựa (3).

+ (1) + (2) + (3) → Đường ống thu gom → Quạt hút → Tháp lọc than hoạt tính → Ống thoát (chiều cao 16 m, đường kính 800 mm).

- Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống thu gom số 02 (nguồn số 03)

- Tóm tắt quy trình xử lý bụi từ máy nghiền nhựa: Bụi từ máy nghiền nhựa → Quạt hút → Lõi lọc bụi.

- Công suất thiết kế: 750 m³/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lõi lọc bằng giấy.

1.2.3. Hệ thống xử lý số 03 (nguồn số 05)

- Tóm tắt quy trình xử lý khí thải từ lò hơi: Khí thải từ lò hơi → Cyclone → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thoát khí (chiều cao 10 m, đường kính 300 mm).

- Công suất thiết kế: 1.200 m³/giờ.
- Số lượng: 01 hệ thống.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, đảm bảo độ ổn định của các hệ thống xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình làm sạch các chi tiết kim loại; hơi nhựa từ công đoạn mở khuôn lấy sản phẩm của quá trình sản xuất vòng đệm nhựa; hơi nhựa từ máy nghiền nhựa (dòng khí số 01).

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (dòng khí số 02).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

02 vị trí, tương ứng với 02 ống thoát khí thải của 02 hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $k_p = 0,9$, $k_v = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 3.
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *110.../GPMT-UBND*
 ngày *16.../8.../2023* của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: phát sinh tại khu vực cắt, đập tạo hình.
- Nguồn số 02: phát sinh tại khu vực ép hạt nhựa.
- Nguồn số 03: phát sinh tại khu vực máy nghiền nhựa.
- Nguồn số 04: phát sinh tại khu vực máy nén khí
- Nguồn số 05: phát sinh tại khu vực lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Nguồn số 06: phát sinh tại hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình làm sạch các chi tiết kim loại; hơi nhựa từ công đoạn mở khuôn lấy sản phẩm của quá trình sản xuất vòng đệm nhựa; hơi nhựa từ máy nghiền nhựa.
- Nguồn số 07: phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Vị trí nguồn phát sinh	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
1	Nguồn số 01	1266245	542380
2	Nguồn số 02	1266206	542459
3	Nguồn số 03	1266204	542476
4	Nguồn số 04	1266198	542465
5	Nguồn số 05	1266196	542400
6	Nguồn số 06	1266264	542470
7	Nguồn số 07	1266246	542330

3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

1.2. Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.

1.3. Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn. Áp dụng các biện pháp bóc dỡ nguyên liệu, sản phẩm phù hợp, hạn chế tiếng ồn.

1.4. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4.
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ..AAQ.../GPMT-UBND
ngày 16.../...8.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu nhớt, chất thải nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	480
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	24
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	12
4	Bao bì cứng kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	KS	60
5	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	KS	81
6	Hộp chứa mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	KS	18
7	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn, bùn	07 03 11	KS	426.960
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	18 02 01	KS	2.629,84

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
9	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	KS	24.710,4
Tổng cộng				-	454.975,24

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Thành phần	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhựa thải	03 02 12	TT - R	80.770,56
2	Thùng carton, giấy vụn	18 01 05	TT-R	15.600
3	Lõi lọc bụi bằng giấy	18 02 02	TT	24
Tổng cộng		-	-	96.394,56

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 90 kg/ngày, tương đương 28,08 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, bao bì lưu chứa chuyên dụng.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 40,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo: kho chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bao, nền chống thấm, có gờ, rãnh rốn thoát nước, có biển báo, trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng chứa, bao chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích: 288 m².

- Thiết kế, cấu tạo: kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có mái che, tường bao, nền chống thấm, có biển báo...

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng đựng rác có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa

- Diện tích: 20,25 m².

- Thiết kế, cấu tạo: kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có mái che, tường bao, nền chống thấm, có biển báo,...

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5.**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *AAQ...*/GPMT-UBND
ngày *16*./...*8*../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

9. Thực hiện các trách nhiệm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.